

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2020/HS-ST**
Ngày: 10-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Châu

Bà Đỗ Thị Ngọc Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 69/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Trí D, sinh năm 1995, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số Q5/145, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nam H2 (Chết) và bà Vũ Thị H1 (1960); bị cáo là con út trong gia đình có 07 (Bảy) anh chị em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2020 đến ngày 10/6/2020 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Phạm Đức H sinh năm 1996

Nơi cư trú: Số Q4/110, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Phương T sinh năm 1993

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Bà Vũ Thị H1 sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số Q5/145, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 13/5/2020, anh Phạm Đức H điều khiển xe mô tô biển số 60B7-532.91 đi đến chỗ làm tại cơ sở sản xuất giày dép của bà Nguyễn Thị Mỹ L tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trên đường đi, anh H thấy Nguyễn Trí D đang đi bộ nên anh H đã chở D cùng đi đến nơi làm việc. Khi đến nơi, anh H dựng xe mô tô biển số 60B7-532.91 phía trong sân của cơ sở sản xuất giày dép và không rút chìa khóa xe. Sau đó, anh H và D cùng đi vào trong xưởng để làm việc. Thấy xe mô tô biển số 60B7-532.91 của anh H để xe trước sân và không rút chìa khóa, do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên D đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô trên.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, D viện cớ xin bà L đi về uống thuốc. Lợi dụng lúc anh H và mọi người đang làm việc trong xưởng không để ý, D đi lại vị trí xe mô tô biển số 60B7-532.91 lên lút dắt xe mô tô biển số 60B7-532.91 ra khỏi cơ sở sản xuất giày dép, nổ máy xe bỏ chạy về nhà của mình cách đó khoảng 300m. Sau đó, D chạy xe mô tô biển số 60B7-532.91 đi tìm nơi tiêu thụ. D mang xe mô tô biển số 60B7-532.91 đến tiệm cầm đồ “Phương Thảo” thuộc Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cầm chiếc xe mô tô trên với số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Phát hiện xe mô tô 60B7-532.91 bị mất trộm, anh H đã đến Công an xã Q trình báo.

Ngày 04/6/2020, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Trí D đã đến Công an huyện Thống Nhất đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 482/KL-HĐĐG ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất kết luận: Một chiếc xe mô tô biển số 60B7-532.91, hiệu Honda, loại Winner, màu đen, số máy KC26E1161315, số khung: 2603GY314711, đã qua sử dụng, ngày đăng ký lần đầu: 03/02/2018 trị giá 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKS-TN ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Nguyễn Trí D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dừng tù 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trí D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Phương T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/5/2020, tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Trí D đã có hành vi lén lút trộm cắp một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Winner biển kiểm soát số 60B7-532.91 của anh Phạm Đức H. Giá trị bị cáo chiếm đoạt là 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, hành vi của Nguyễn Trí D thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “... trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...”. Do đó, Cáo trạng số 67/CT-VKS-TN ngày 04/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Nguyễn Trí D về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra, là thanh niên bị cáo phải nỗ lực phấn đấu, tu dưỡng bản thân, lao động để tạo ra của cải vật chất, giúp đỡ gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Do đó cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại; bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; ngoài ra, bị cáo đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về vật chứng vụ án*: Một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Winner biển kiểm soát số 60B7-532.91 là tài sản của bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Bị hại - anh Phạm Đức H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Phương T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong và chị T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Các vấn đề khác*: Chị Nguyễn Phương T là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Phương Thảo nhưng anh Nguyễn Trung H3 (em trai chị T) nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát số 60B7-532.91 là tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có ủy quyền là vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã có công văn số 302/TB-CSĐT ngày 05/7/2020 gửi Công an huyện Định Quán xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trí D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí D 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2020.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trí D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang